**TUẦN 17**

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: MÁI ẤM GIA ĐÌNH**

**BÀI 3: NHƯ CÓ AI ĐI VẮNG**

**(Tiết 1 )**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

 **1. Năng lực đặc thù.**

- Chia sẻ những điều em thường trao đổi qua điện thoại với người thân theo gợi ý ; nêu được phỏng đoán của bản thân về nội dung qua tên bài và tranh minh họa.

- Đọc trôi chảy bài thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa. Trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: Tình cảm ông cháu, niềm vui, niềm hạnh phúc khi trò chuyện qua điện thoại, nỗi buồn khi đường dây điện thoại bị hỏng.

- Tìm đọc một bài văn về gia đình, viết được phiếu đọc sách và biết cách trao đổi với bạn về các từ ngữ dùng hay trong bài.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học.

**2. Năng lực chung :**

**-** Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Nêu được nội dung bài.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng và thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái:bồi dưỡng tình cảm yêu thương cha mẹ, anh chị em, ông bà, người thân.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi, thích đọc sách để mởi rộng hiểu biết.

- Phẩm chất trách nhiệm: thể hiện tình cảm, trách nhiệm với ông bà, cha mẹ, người thân bằng những việc làm cụ thể. Từ đó thêm yêu quý, biết ơn cha mẹ, ông bà, người thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**- GV:** Tranh ảnh hoặc video clip về cảnh trao đổi với người thân qua điện thoại. Bảng phụ ghi ba khổ thơ đầu.

- HS: SGK Tiếng Việt 3 vở Tiếng Việt .

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên**  | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động** : ( 5’)a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức:- Phương pháp: Thảo luận nhóm, quan sát, hỏi đáp.- Hình thức: nhóm, cá nhân, cả lớp. |
| - Tổ chức cho HS làm việc theo cặp đôi trong 2 phút theo yêu cầu sau: Chia sẻ những điều em thường trao đổi qua điện thoại với người thân theo các gợi ý: - Em thăm hỏi người thân về:+ Sức khỏe có tốt không?+ Công việc có thuận lợi không?- Em sẽ kể về tình hình của em và gia đình:+ Sức khỏe của em và gia đình như thế nào?+ Việc học của em ra sao?+ Công việc của bố mẹ em như thế nào?+ Hoạt động thường ngày có gì đặc biệt?- GV theo dõi HS làm việc.- Gọi HS chia sẻ trước lớp.- GV nhận xét phần chia sẻ của HS.- Cho HS quan sát tranh minh họa trong bài đọc và nêu nội dung tranh, phỏng đoán tên bài.- GV giới thiệu bài học.- GV ghi tên bài đọc mới lên bảng: Như có ai đi vắng.**B. Hoạt động Khám phá và luyện tập: (25 phút)****B.1. Hoạt động Đọc ( 25 phút)****1. Hoạt động 1: Luyện đọc thành tiếng (13 phút)**a. Mục tiêu: Đọc trôi chảy bài đọc, ngắt nghỉ đúng dấu câu, đúng logic ngữ nghĩa, hiểu nghĩa từ trong bài. b. Phương pháp, hình thức tổ chức:- Phương pháp: thực hành giao tiếp , thảo luận nhóm.- Hình thức: cả lớp, nhóm , cá nhân.**a. Đọc mẫu****-** GV đọc mẫu **.****-** Chú ý giọng đọc:giọng trong sáng, vui tươi khi đọc 3 khổ thơ đầu, giọng trầm hơi lắng xuống khi đọc khổ thơ cuối; nhấn giọng những từ ngữ chỉ cảm xúc của bạn nhỏ khi nói chuyện với ông qua điện thoại, ngắt nhịp 2/3 hoặc 3/2 .**b. Luyện đọc đoạn**- Chia đoạn:**+** Bài thơ này có mấy khổ thơ?- GV tổ chức cho HS đọc theo nhóm bốn HS thời gian ( 5 phút)- Theo dõi các nhóm đọc bài.- GV sửa lỗi phát âm cho HS( nếu sai)- Gọi đại diện từng nhóm đọc từng khổ thơ trước lớp.- GV nhận xét, tuyên dương nhóm đọc tốt.- GV hướng dẫn HS:+ Luyện đọc một số từ ngữ khó đọc trên bảng: xa ngái, quá chừng, reo vui.+ Treo bảng nhóm ghi khổ thơ 2,3 trước lớp HDHS cách ngắt nhịp thơChẳng thấy/ ông nội đâu/*Mà giọng ông/ nói đấy/**Áp tai/ vào ống nghe/**Đỡ nhớ ông/ biết mấy//**Quê nội/ thì xa ngái/**Chưa một lần/ về thăm /**Chỉ nghe qua/ điện thoại/**Mà quá chừng /nhớ mong//*- GV cho HS giải nghĩa từ ngữ khó trong bài: xa ngái, bất chợt.- GV nhận xét, bổ sung nếu HS chưa nêu được.**c) Luyện đọc cả bài:** - GV gọi 1 số HS đọc cả bài thơ.- GV nhận xét.**2. Hoạt động 2: Luyện đọc hiểu.(12’)****a) Mục tiêu:** Học sinh trả lời được câu hỏi, hiểu nội dung bài thơ.b) Phương pháp, hình thức:- Phương pháp: Thực hành giao tiếp, Thảo luận, hỏi đáp.- Hình thức: nhóm, cá nhân, cả lớp.**-** GV cho HS làm việc theo nhóm đôi: đọc thầm lại toàn bài và trả lời câu hỏi 1,2,3 trong SGK trang 127.- Theo dõi HS làm việc, gợi ý HS nếu cần.- Gọi đại diện 1 số HS trình bày trước lớp.Câu 1: Bạn nhỏ kể về điều gì trong khổ thơ đầu?- GV nhận xét, khen ngợi HS.Câu 2: Những dòng thơ nào trong bài diễn tả tình cảm của bạn nhỏ với ông nội?Gợi ý: Em đọc khổ thơ thứ hai và ba để tìm những dòng thơ diễn tả tình cảm của bạn nhỏ với ông nội.- Nhận xét, bổ sung, cho HS giải nghĩa từ “ giòn”Câu 3: Cả nhà bạn nhỏ cảm thấy thế nào khi đường dây điện thoại bị đứt?Vì sao?- Nhận xét, bổ sung.- Em hãy nêu nghĩa từ cụm từ: *đường dây đứt*.- Nhận xét, chốt câu trả lời.Câu 4: Em thích hình ảnh nào trong bài? Vì sao? - GV động viên khuyến khích HS trình bày, giải thích lí do.- Em hãy nêu nội dung bài thơ này? - Nhận xét, chốt nội dung bài thơ, ghi bảng nội dung bài thơ.**\* Hoạt động nối tiếp: (5 phút)****a. Mục tiêu**: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.**b. Phương pháp, hình thức tổ chức**: **Phương pháp**: vấn đáp. **Hình thức**: cả lớp- Qua bài thơ này giúp em hiểu điều gì?- GDHS: yêu thương cha mẹ, anh chị em, ông bà, người thân. thể hiện tình cảm, trách nhiệm với ông bà, cha mẹ, người thân bằng những việc làm cụ thể- Nhận xét tiết học.- Dặn HS về nhà đọc lại bài, chuẩn bị trước: tìm đọc một bài văn về gia đình để tiết sau viết phiếu đọc sách. | - HS thảo luận theo cặp đôi chia sẻ cho nhau nghe.- Đại diện 1 số HS chia sẻ trước lớp.- HS khác nhận xét.- HS quan sát nêu nội dung tranh: một bạn nhỏ đang nói chuyện qua điện thoại với người ông của mình.- HS nghe, ghi tên bài vào vở.- HS nghe.- Bài thơ này có 4 khổ thơ.- HS ngồi theo nhóm đọc từng dòng thơ, khổ thơ, bài thơ.- Đại diện 4 HS thi đọc từng khổ thơ trước lớp.+ HS1: đọc khổ thơ 1+ HS2: đọc khổ thơ 2+ HS3: đọc khổ thơ 3+ HS4: đọc khổ thơ 4.- HS khác nhận xét.- HS luyện đọc cá nhân trước lớp.- HS nghe và luyện đọc lại trước lớp.- HS giải nghĩa từ ngữ khó:+ xa ngái: xa và cách trở về không gian , thời gian + bất chợt: xảy ra bất ngờ trong khoảnh khắc.- 1 số HS đọc cả bài trước lớp, cả lớp đọc thầm toàn bài.- HS ngồi theo nhóm đôi đọc thầm bài và trả lời lần lượt các câu hỏi 1,2,3.- Đại diện nhóm trả lời, HS khác nhận xét- Bạn nhỏ kể trong khổ thơ đầu: Không thấy ông nội nhưng bạn nghe được tiếng ông nội trong ống nghe, đỡ nhớ ông nội hơn.+ Những dòng thơ trong bài diễn tả tình cảm của bạn nhỏ với ông nội:"Đỡ nhớ ông biết mấyMà quá chừng nhớ mong”“Chuông điện thoại reo giònBỗng niềm vui bất chợt"- HS trả lời: giòn ( âm thanh nghe vui tai)- Cả nhà bạn nhỏ cảm thấy như có ai vắng nhà khi đường dây điện thoại bị đứt. Vì cả nhà đã quen nghe có tiếng ông mỗi ngày qua điện thoại, hôm nay không nghe được cả nhà như thiếu tiếng ai đó.- HS nêu: đường dây đứt: đường dây bị không liên lạc được.- HS nêu hình ảnh mình thích và giải thích lí do.Ví dụ: Em thích hình ảnh trong bài "chỉ nghe tiếng ông qua điện thoại mà quá chừng nhớ mong", hình ảnh cho thấy sự nhớ mong của bạn nhỏ đối với ông ngoại và tình yêu thương sâu sắc của bạn nhỏ dành cho ông.- HS nêu: Tình cảm ông cháu, niềm vui, niềm hạnh phúc khi trò chuyện qua điện thoại, nỗi buồn khi đường dây điện thoại bị hỏng.- HS nêu lại nội dung bài thơ.- HS trả lời theo ý hiểu: yêu thương cha mẹ, anh chị em, ông bà, người thân.  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

**TIẾNG VIỆT**

**BÀI 3: NHƯ CÓ AI ĐI VẮNG (Tiết 2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

 **1. Năng lực đặc thù.**

- Đọc trôi chảy bài thơ, ngắt nghỉ đúng nhịp thơ, đúng logic ngữ nghĩa. Trả lời được các câu hỏi tìm hiểu bài. Hiểu được nội dung bài đọc: Tình cảm ông cháu, niềm vui, niềm hạnh phúc khi trò chuyện qua điện thoại, nỗi buồn khi đường dây điện thoại bị hỏng.

- Tìm đọc một bài văn về gia đình, viết được phiếu đọc sách và biết cách trao đổi với bạn về các từ ngữ dùng hay trong bài.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học.

**2. Năng lực chung :**

**-** Năng lực tự chủ, tự học: Học thuộc lòng 3 khổ thơ theo ý thích. Nêu được nội dung bài. Viết được phiếu đọc sách theo yêu cầu.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng và thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- Phẩm chất nhân ái:bồi dưỡng tình cảm yêu thương cha mẹ, anh chị em, ông bà, người thân.

- Phẩm chất chăm chỉ: Ham học hỏi, thích đọc sách để mởi rộng hiểu biết.

- Phẩm chất trách nhiệm: thể hiện tình cảm, trách nhiệm với ông bà, cha mẹ, người thân bằng những việc làm cụ thể. Từ đó thêm yêu quý, biết ơn cha mẹ, ông bà, người thân.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC.**

**- GV:** SGK, sách có bài văn về gia đình.

**- HS :** HS mang theo sách có bài văn về gia đình và Phiếu đọc sách có ghi chép về bài văn đã đọc.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức:- Phương pháp: Trò chơi.- Hình thức : Cả lớp |
| - GV tổ chức chơi trò “ Xì điện” để đọc lại từng khổ thơ trong bài “ Như có ai đi vắng” và trả lời 1 câu hỏi trong bài đọc.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV giới thiệu bài học, ghi tên bài lên bảng. | - HS xung phong tham gia trò chơi.- HS ghi tên bài vào vở. |
| **B. Hoạt động Khám phá và luyện tập: (25 phút)** |
| **B.1 Hoạt động Đọc (15 phút)** |
| **3. Hoạt động 3: Luyện đọc lại - Học thuộc lòng (15 phút)**a. Mục tiêu: HS xác định được giọng đọc của bài thơ, luyện đọc lại bài thơ, học thuộc lòng ba khổ thơ theo ý thích.b. Phương pháp, hình thức tổ chức- Phương pháp: Thực hành giao tiếp.- Hình thức: cả lớp, nhóm, cá nhân. |
| - GV yêu cầu HS nêu lại giọng đọc của bài thơ : Như có ai đi vắng.- GV đọc lại toàn bài thơ.- Tổ chức HS luyện đọc lại từng khổ thơ trong bài trước lớp.- Gv nhận xét chung.- Tổ chức cho HS tự nhẩm đọc thuộc 3 khổ thơ mình thích trong nhóm 3 người .- Theo dõi HS luyện đọc.- Gọi HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.- GV nhận xét, tuyên dương HS thuộc bài. | - HS nêu lại giọng đọc bài thơ: giọng trong sáng, vui tươi khi đọc 3 khổ thơ đầu, giọng trầm hơi lắng xuống khi đọc khổ thơ cuối; nhấn giọng những từ ngữ chỉ cảm xúc của bạn nhỏ khi nói chuyện với ông qua điện thoại- HS nghe.- 1 số HS nối tiếp đọc lại bài trước lớp.- HS luyện đọc thuộc 3 khổ thơ mình thích theo nhóm 3 HS.- Đại diện 1 số HS thi đọc thuộc lòng trước lớp.- HS khác nhận xét. |
| **B.2 Hoạt động đọc mở rộng (10 phút)**a. Mục tiêu: Tìm đọc một bài văn về gia đình, viết được phiếu đọc sách và biết cách trao đổi với bạn về các từ ngữ dùng hay trong bài.b. Phương pháp, hình thức tổ chức: - Phương pháp: Thực hành giao tiếp, thảo luận.- Hình thức: Cá nhân, nhóm, cả lớp. |
| - GV nêu yêu cầu: viết vào phiếu đọc sách những nội dung em thích: a. Em hãy tìm và đọc một bài đọc về bạn bè và ghi lại điều em thích:Tên bài vănTác giảTừ dùng hay: từ chỉ tình cảm, từ chỉ hành độngHình ảnh đẹpb. Em hãy tìm 2- 3 từ ngữ hay được sử dụng trong bài đọc và chia sẻ với bạn về ý nghĩa và vai trò của từ ngữ ấy.- Tổ chức cho HS chia sẻ phiếu đọc sách trong nhóm đôi.**-** Gọi 1 số HS trình bày phiếu đọc sách trước lớp.- GV nhận xét, khen ngợi HS viết được phiếu đọc sách . | - HS viết phiếu đọc sách theo hướng dẫn.Ví dụ:a) Tên bài văn: Trong lòng mẹ.Tác giả: Nguyên HồngHình ảnh đẹp: cậu bé Hồng nép trong lòng mẹ đầy yêu thương.Từ ngữ hay: vội vã, bối rối, lập cập.b. **Vội vã:**tỏ ra rất vội, muốn tranh thủ thời gian đến mức tối đa để cho kịp.Từ này miêu tả hành động của bạn nhỏ khi gặp mẹ đã vội vã chạy đến với mẹ vì bạn đã mong chờ giây phút này quá lâu rồi.**Bối rối:** lúng túng, mất bình tĩnh, không biết nên xử trí thế nàoTừ ngữ này nhấn mạnh tâm trạng của bạn nhỏ khi gặp lại mẹ.**Lập cập:**vội vã một cách khó nhọc, vì mất bình tĩnhTừ ngữ này tô đậm hơn nữa tâm trạng và hành động của bạn nhỏ, bạn nhỏ vô cùng vội vã và bối rối khi gặp lại mẹ.- HS trao đổi với bạn về phiếu đọc sách, chia sẻ 2-3 từ ngữ dùng hay trong bài văn.- Một số HS trình bày phiếu đọc sách trước lớp.- HS nghe. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức:- Phương pháp: Trò chơi- Hình thức: Cả lớp |  |
| **-** GV tổ chức cho HS chơi trò chơi “ Thi thả thơ” trước lớp.- GV hướng dẫn cách chơi.- Tổ chức cho HS chơi.- Nhận xét, khen ngợi qua trò chơi.- GV nhận xét tiết học. - Dặn HS chuẩn bị bài sau: Như có ai đi vắng( tiết 3) | - HS nghe cách chơi- HS tham gia trò chơi trước lớp.- HS khác nhận xét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

**---------------------------------------------------------------**

**TIẾNG VIỆT**

**CHỦ ĐIỂM: MÁI ẤM GIA ĐÌNH**

**BÀI 3: NHƯ CÓ AI ĐI VẮNG**

**(Tiết 3 )**

**I. Yêu cầu cần đạt**

 **1. Năng lực đặc thù.**

- Nghe viết được đoạn Vườn trưa;

- Phân biệt êch/ uêch; tr/ch hoặc ac/at.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực:**

- **Năng lực chung :**

**-** Năng lực tự chủ, tự học: Nghe viết được bài chính tả “ Vườn trưa”, tự làm được bài tập chính tả theo yêu cầu.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng và thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- HS có cơ hội hình thành và phát triển phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm ( bồi dưỡng tình cảm yêu thương cha mẹ, anh chị em, ông bà, người thân; thể hiện tình cảm, trách nhiệm với ông bà, cha mẹ, người thân bằng những việc làm cụ thể. Từ đó thêm yêu quý, biết ơn cha mẹ, ông bà, người thân).

**II. Đồ dùng dạy học.**

- GV: Sách giáo khoa TV3, Thẻ từ để tổ chức chơi trò chơi khi thực hiện bài tập chính tả.

- HS: Sách Tiếng Việt, Vở TV…

**III. Các hoạt động dạy học**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức:- Phương pháp: Trò chơi âm nhạc.- Hình thức: cả lớp. |
| - GV tổ chức cho cả lớp nghe bài hát “ Vườn cây của ba”.- GV hỏi: Trong bài hát kế đến những cây gì?- GV nhận xét, giới thiệu bài học. | - HS nghe.- HS trả lời.- HS ghi tên bài học. |
| **B. Hoạt động Khám phá và luyện tập: ( 35 phút)** |
| **B.3 Hoạt động Viết ( 25 phút)** |
| **1. Hoạt động 1: Nghe – viết chính tả.**  **(25 phút)**a. Mục tiêu: HS viết được bài chính tả “ Vườn trưa”.b. Phương pháp, hình thức tổ chức- Phương pháp: Thực hành giao tiếp.- Hình thức: Cả lớp. |
| - Gọi HS đọc bài chính tả “ Vườn trưa”- Bài văn tên là gì?- Bài văn tả cảnh vật gì?- Yêu cầu HS tìm từ ngữ khó lên bảng cho HS đánh vần.- GV cho HS viết lại một số từ ngữ khó vào bảng con.- Gọi HS đọc lại những từ ngữ khó.- Gv đọc bài cho HS viết.- Tổ chức cho HS đổi bài soát lỗi.- GV kiểm tra, nhận xét bài viết của một số HS. | - 2 HS đọc trước lớp.+ Bài: Vườn trưa+Tả cảnh đáng yêu của khu vườn vào buổi trưa. Cao nhất là cây cây dừa, thấp nhất là bụi rau răm, tiếng xào xạc của những bụi chuối.- HS nêu: lành, lặng lẽ, chan chứa, rau răm, dừa, gió…- HS luyện viết vào bảng con.- HS đọc trước lớp.- HS viết bài.- HS đổi bài cho nhau soát lỗi.- HS nhận xét bài của nhau. |
| **2. Hoạt động 2: Bài tập ( 10 phút)**a. Mục tiêu: HS biết phân biệt các từ ngữ có vần êch/ uêch; ac/at.b. Phương pháp, hình thức tổ chức:- Phương pháp: Thực hành giao tiếp.- Hình thức: cá nhân, nhóm, cả lớp. |
| **Bài 2:** **-** Gọi HS đọc yêu cầu bài 2 và tiếng đã đã cho trước.- Tổ chức cho HS làm bài vào vở.**-** Gọi HStrình bày bài làm.- Gv nhận xét, chữa bài.- Gọi HS đọc lại những từ ngữ vừa điền**-** GV nhận xét, giải thích nghĩa một số từ ngữ khó hiểu.- GV nhận xét, bổ sung.**Bài 3**: -Gọi HS đọc yêu cầu bài 3b và tiếng đã cho trước.- Yêu cầu HS làm việc theo nhóm đôi: chọn chữ hoặc vần thích hợp với mỗi bông hoa.- Theo dõi HS làm bài.- Tổ chức cho HS chơi trò chơi gắn thẻ từ trên bảng.- GV nhận xét, giải thích nếu HS chưa nêu được. | - HS đọc yêu cầu.- HS làm bài vào vở BT, 2HS làm bài trên bảng nhóm.+ nguệch ngoạc, bạc phếch, chênh chếch, trống huếch, rỗng tuếch, trắng bệch.- HS trình bày bài làm trên bảng. HS khác nhận xét bài làm của bạn.- 1 số HS đọc lại trước lớp. HS giải thích: + nguệch ngoạc: thường để chỉ nét viết hoặc nét vẽ xiên xẹo, méo mó do chưa thạo hoặc do vội vàng, thiếu cẩn thận.+ bạc phếch: bị phai màu đến mức ngả sang màu trắng đục trông cũ và xấu.+ chênh chếch: hơi chếch về một phía.+ trống huếch: trống rỗng và hở rộng ra , hoàn toàn không thấy có gì ở bên trong .+ rỗng tuếch: hoàn toàn trống rỗng, hàm ý chê.+ trắng bệch: trắng một cách nhợt nhạt- HS đọc yêu cầu.- HS làm việc theo nhóm đôi.**b*.*** *Ve ngân khúc nh****ạc****Gió h****át****lao xao**Lũy tre x****ạc****xaò**Đồng quê b****át****ngát*- HS đọc lại bài và giải thích nghĩa từ ngữ: xạc xào, bát ngát.+ xạc xào: mô phỏng tiếng như tiếng lá cây lay động va chạm vào nhau.+ Bát ngát: rộng đến mức tầm mắt không sao bao quát hết được.- HS nghe, đánh giá bài của bạn.- HS xung phong lên chơi trước lớp thành 2 đội, mỗi đội 4 HS. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: ( 5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức- Kĩ thuật: Tia chớp- Hình thức: cả lớp. |
| - Em hãy tìm thêm một số từ ngữ có chứa vần êch/ uêch; ac/at.- GV nhận xét, đánh giá một số bài viết.- Chuẩn bị bài sau: tìm từ chỉ đặc điểm, từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau. Đóng vai gọi điện thoại cho ông bà hoặc người thân để hỏi thăm sức khỏe và kể về một niềm vui của em ở trường, biết chia sẻ cảm xúc khi liên lạc với người thân. | - HS nêu nhanh trước lớp.- HS nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................

**-------------------------------------------------------------------------------**

**TIẾNG VIỆT**

**TUẦN 17**

**CHỦ ĐIỂM: MÁI ẤM GIA ĐÌNH**

**BÀI 3: NHƯ CÓ AI ĐI VẮNG**

**(Tiết 4 )**

**I. Yêu cầu cần đạt**

 **1. Năng lực đặc thù.**

- Tìm được từ ngữ chỉ đặc điểm, từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau.

- Đặt câu có sử dụng từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau nói về đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.

- Đóng vai gọi điện thoại cho ông bà hoặc người thân để hỏi thăm sức khỏe và kể về một niềm vui của em ở trường, biết chia sẻ cảm xúc khi liên lạc với người thân.

- Phát triển năng lực ngôn ngữ.

**2. Năng lực:**

- **Năng lực chung :**

**-** Năng lực tự chủ, tự học: Tìm được các từ ngữ và đặt câu có sử dụng từ ngữ theo yêu cầu. Đóng được vai gọi điện thoại trong tình huống.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Trao đổi, thảo luận để thực hiện các nhiệm vụ học tập.

+ Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: sử dụng các kiến thức đã học ứng dụng và thực tế, tìm tòi, phát hiện giải quyết các nhiệm vụ trong cuộc sống.

**3. Phẩm chất:**

- HS có cơ hội hình thành và phát triển phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm .

**II. Đồ dùng dạy học.**

- GV: Sách giáo khoa TV3, Thẻ từ để tổ chức chơi trò chơi khi thực hiện bài tập luyện từ và câu.

- HS: Sách Tiếng Việt, Vở TV…

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **A. Hoạt động khởi động: (5 phút)**a. Mục tiêu: Tạo cảm xúc vui tươi, kết nối với chủ đề bài học.b. Phương pháp, hình thức tổ chức:- Phương pháp: - Hình thức: cả lớp. |
| **-** GV tổ chức cho HS hát.- GV giới thiệu bài học. | - HS hát.- HS ghi tên bài học. |
| **B. Hoạt động Khám phá và luyện tập: (25 phút)** |
| **B.4 Hoạt động Luyện từ, luyện câu (25 phút)** |
| **1. Hoạt động 1: Luyện từ (12 phút)**a. Mục tiêu: Luyện tập về từ chỉ đặc điểm, từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức- Phương pháp: Luyện tập theo mẫu, thực hành giao tiếp.- Hình thức: cá nhân, nhóm, cả lớp. |
| **Bài 1**: Tìm trong đoạn văn sau những từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau.- Gọi HS đọc yêu cầu bài.- Gọi HS đọc đoạn văn trước lớp.- GVHD: Em đọc đoạn văn trên và tìm các cặp từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau.- Theo dõi HS làm bài .- Gọi HS chia sẻ trước lớp.- GV nhận xét, chốt những từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau trong bài.**Bài 2: T**ìm từ ngữ có nghĩa trái ngược với mỗi từ ngữ sau:- Gọi HS đọc yêu cầu bài và đọc các từ ngữ trong mỗi tranh.- GV HDHS: Em đọc các từ trên và tìm một từ có ý nghĩa trái ngược với mỗi từ ấy.- Tổ chức cho HS làm bài theo nhóm ba người và trình bày theo kĩ thuật truyền điện.- Theo dõi HS làm bài.- Gọi HS trình bày kết quả trước lớp.- Gv nhận xét, chốt các từ ngữ có nghĩa trái ngược nhau. | - HS đọc yêu cầu bài.- HS đọc đoạn văn, quan sát mẫu.- HS làm bài cá nhân rồi chia sẻ trong nhóm đôi .*cao - thấp**rộn - hẹp**dày - mỏng**lớn – bé*- HS trình bày trước lớp.- HS khác nhận xét.- HS đọc yêu cầu và từ ngữ trên mỗi tranh.- HS trao đổi theo nhóm ba, trình bày theo kĩ thuật truyền điện trước lớp.tròn – méo, lớn – bé, nóng - lạnh, cao - thấptươi- héo, chín – xanh- Một vài nhóm trình bày trước lớp.- HS nhận xét. |
| **2. Hoạt động 2: Luyện câu (7 phút)**a. Mục tiêu: Đặt câu có sử dụng từ ngữ trái ngược nhau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức- Phương pháp: Thảo luận nhóm, thực hành giao tiếp.- Hình thức:nhóm, cả lớp. |
| **Bài 3:** **-** Gọi HS đọc yêu cầu bài.- GV hướng dẫn HS: Em hãy chọn  2 – 3 cặp từ ngữ có ý nghĩa trái ngược nhau để đặt câu nói về đặc điểm khác nhau giữa các đồ dùng trong nhà và giữa các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên.- GV tổ chức cho HS làm bài theo nhóm đôi.- Theo dõi HS làm bài.- Gọi HS trình bày trước lớp.- GV nhận xét, chốt cách đặt câu đúng theo yêu cầu. | - HS đọc yêu cầu bài.- HS làm việc theo nhóm đôi.- Một vài HS chia sẻ bài làm trước lớp.a. Giữa các đồ dùng trong nhàKhăn mặt của bố thì lớn còn của con thì béĐôi đũa của anh thì cao còn của em thì thấpb. Giữa các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiênTrời hôm qua thì nóng còn hôm nay thì lạnhNgoài vườn, những quả xoài đã chín còn quả bưởi thì còn xanh.- HS nhận xét bài làm của bạn. |
| **B. Hoạt động Vận dụng: ( 5 phút)**a. Mục tiêu: HS đóng vai, gọi điện thoại cho ông bà hoặc người thân để hỏi thăm sức khoẻ và kể về một niềm vui của em ở trườngb. Phương pháp, hình thức tổ chức- Phương pháp: Đóng vai.- Hình thức: nhóm, cả lớp. |
| **-** GV nêu yêu cầu: Em hãy đóng vai mình đang gọi điện thoại cho ông bà hoặc người thân để hỏi thăm sức khoẻ và kể về một niềm vui của em ở trường.- Tổ chức cho HS đóng vai theo nhóm đôi.- Theo dõi HDHS.- Mời 1-2 cặp HS lên đóng vai.- GV nhận xét cách đóng vai của HS.- Sau khi gọi điện thoại cho ông bà hoặc người thân em cảm thấy thế nào?- Gọi HS trình bày trước lớp.- GV nhận xét chung. | - HS nghe xác định yêu cầu của bài.- HS thực hành đóng vai theo nhóm đôi.- 1-2 cặp HS lên đóng vai trước lớp.Ví dụ: Ông bà ơi, do đang trong đợt thi nên hôm nay cháu không về thăm ông bà được. Cháu nhớ ông bà nhiều lắm. Ông bà có khỏe không ạ? Ông còn đau lưng nhiều không ông?Ở trường cháu có rất nhiều niềm vui. Cháu còn mới được kết nạp đội đấy ông bà ạ. Cháu cảm thấy rất vui và tự hào khi cháu đã trở thành một đội viên ạ.- HS chia sẻ cảm xúc của mình khi liên lạc với với thân.- HS trình bày trước lớp.Ví dụ: Sau khi gọi điện thoại cho ông bà, em cảm thấy trong lòng rất thoải mái và vui vẻ. Em đã hỏi thăm và biết ông bà vẫn khỏe, hơn nữa em còn được chia sẻ niềm vui của mình với ông bà nữa. Có lẽ ông bà cũng rất vui và tự hào về em. |
| **\* Hoạt động nối tiếp: (5 phút)**a. Mục tiêu: HS ôn lại những kiến thức, kĩ năng đã học, chuẩn bị bài cho tiết sau.b. Phương pháp, hình thức tổ chức- Phương pháp: thuyết trình..- Hình thức: cả lớp. |
| - Cho HS chọn biểu tượng đánh giá phù hợp với kết quả học tập của mình.- Nhận xét tiết học.- Dặn về nhà làm bài các bài tập vào vở bài tập.- Chuẩn bị bài sau: Bài 4 : Thuyền giấy ( tiết 1) | - HS thực hiện theo yêu cầu.- HS nghe. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY:**

................................................................................................................................

................................................................................................................................

................................................................................................................................